

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 321/2020/HC-PT

Ngày 27-7-2020

V/v: “*Khiếu kiện quyết định giải
quyết khiếu nại trong lĩnh vực
đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên.
Ông Nguyễn Văn Tũu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 546/2019/TLPT-HC ngày 18 tháng 9 năm 2019 về việc “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 941/2019/HCST ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3156/2019/QĐPT-HC ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Phạm Tiến M, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Trú tại: A7 SHHN, phường TT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Viết Th (có mặt).

Địa chỉ: Số 225 đường LTH, phường PTH, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền số công chứng 34981 lập ngày 11/11/2015 tại Phòng Công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 86 LTT, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Nguyễn Văn Đ – Phó Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 9 (vắng mặt).

Địa chỉ: 2/304 XLHN, phường HP, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Thanh Ph – Phó Trưởng Phòng Nghiệp vụ 1 Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 9 (có mặt).

Địa chỉ: 2/304 XLHN, phường HP, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Địa chỉ: 86 LTT, phường BN, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ: 2/304 XLHN, phường HP, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của UBND Quận 9 và Chủ tịch UBND Quận 9: Ông Nguyễn Ngọc C – Phó Chủ tịch UBND Quận 9 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 2/304 XLHN, phường HP, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền số 1809 và 1806 ngày 08/6/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND và Chủ tịch UBND Quận 9:

1. Ông Nguyễn Gia H – Phó trưởng Phòng Tài nguyên – Môi trường Quận 9 (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn H1 – Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 9 (có mặt).

3. Ông Nguyễn Thanh Ph – Phó Trưởng Phòng Nghiệp vụ 1 Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 9 (có mặt).

Ông H, ông H1, ông Ph, cùng địa chỉ: 2/304 XLHN, phường HP, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Người khởi kiện, ông Phạm Tiến M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Phạm Tiến M có ông Ngô Viết Th là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 12/01/2009, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 373/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 279.1m² đất của hộ ông Phạm Tiến M để thực hiện dự án đầu tư mở rộng lộ giới XLHN. Ngày 07/9/2010, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 167/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 373/QĐ-UBND, cụ thể là thu hồi của hộ ông M 255.2m². Ngày 28/6/2011, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng Quận 9 ban hành Bảng dự toán (Đợt 1) chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án đầu tư mở rộng lộ giới XLHN tại các phường PL B, PL A,

HP, Tân Phú, Long Bình, Quận 9. Theo dự toán, hộ ông M được bồi thường, hỗ trợ với số tiền 2.699.375.000 đồng.

Ngày 12/9/2011 UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 1682/QĐ-UBND-BBT về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông M với số tiền 137.715.000 đồng. Ngày 16/9/2013, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 419/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 1682/QĐ-UBND-BBT nâng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ ông M là 450.369.000 đồng.

Sau đó, ông M đã khiếu nại Quyết định số 1682/QĐ-UBND-BBT và Quyết định số 419/QĐ-UBND, với nội dung: Yêu cầu bồi thường 200m² đất ở mặt tiền XLHN (có trừ nghĩa vụ tài chính); yêu cầu không trừ lại số tiền hỗ trợ trong dự án đường dây điện cao thế 220KV CL-TĐ với số tiền là 212.196.000 đồng và yêu cầu được giải quyết nên tái định cư. Ngày 11/8/2014, Chủ tịch UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 158/QĐ-UBND bác khiếu nại nêu trên của ông M. Ông M không đồng ý và tiếp tục khiếu nại. Ngày 08/8/2015, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3894/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại có nội dung giữ nguyên Quyết định số 158/QĐ-UBND, bác yêu cầu khiếu nại của ông M.

Phần nhà, đất bị thu hồi của ông M có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn B sử dụng trước năm 1975. Ngày 30/10/1975, ông B sang nhượng nhà đất cho ông Phan Văn D và bà Nguyễn Thị T theo Tờ sang nhượng nhà đất luôn cả hoa màu ngày 30/10/1975, được các cấp chính quyền chế độ cũ xác nhận. Ngày 18/9/2001, ông Dài và bà Tất sang nhượng nhà đất cho ông M. Sau khi sang nhượng do nhà cũ xuống cấp nghiêm trọng nên ông M phá dỡ nhà cũ để xây dựng nhà mới trên nền nhà cũ nhưng không xin phép xây dựng nên bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng. Ngày 04/01/2002, Chủ tịch UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 30/QĐ-UB-QLĐT xử phạt ông M do xây dựng nhà không có giấy phép xây dựng.

Việc Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3894/QĐ-UBND đã xâm phạm đến quyền và lợi ích của ông M khi Nhà nước thu hồi đất, trái với nội dung Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 23/6/2011 của Chủ tịch UBND Quận 9 về việc phê duyệt phương án và dự toán đợt 1 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án đầu tư mở rộng lộ giới XLHN.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; khoản 1 và khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013; Điều 4, Điều 9, Điều 10, khoản 1 Điều 25, Điều 39 Bản Quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (ban hành kèm theo Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh); căn cứ Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, căn cứ Điều 1 của Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh thì trường hợp của hộ ông M đủ điều kiện được bồi thường về đất ở khi thu hồi đất, được mua 02 nền đất tái định cư tương đương

với diện tích đất bị thu hồi nhưng UBND Quận 9 chỉ hỗ trợ 20% đơn giá đất ở cho ông M là không đúng quy định.

Vì vậy, ông M yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3894/QĐ-UBND ngày 08/8/2015 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc UBND Quận 9 và UBND Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần và sức khỏe cho ông M do việc khiếu nại kéo dài bằng 50 tháng lương tối thiểu, cụ thể: 50 tháng x 1.300.000 đồng/tháng = 65.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông M đã rút yêu cầu khởi kiện về việc bồi thường nêu trên.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Ngày 08/8/2015, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3894/QĐ-UBND có nội dung: Công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 158/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Quận 9; Không công nhận đơn của ông M yêu cầu được bồi thường diện tích 90m²/255.2m² là đất ở thời điểm sử dụng năm 2001 theo đơn giá 18.650.000 đồng/m²; bồi thường vật kiến trúc theo 100% đơn giá và giải quyết tái định cư nền đất ở.

Kết quả rà soát của cơ quan chức năng xác định cho đến nay không có tình tiết mới có cơ sở pháp luật để xem xét lại quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Nhà, đất do ông M quản lý sử dụng bị thu hồi thực hiện Dự án đầu tư mở rộng XLHN với tổng diện tích là 255.2m² (theo Quyết định thu hồi đất số 373/QĐ-UBND ngày 12/01/2009 và Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 07/9/2010). Trong đó có 144.3m²/255.2m² đã được cấp giấy CNQSDĐ là đất nông nghiệp và 110.9m²/255.2m² chưa được cấp giấy chứng nhận. Phần đất này do ông M nhận chuyển nhượng lại của bà Nguyễn Thị T năm 2001. Tháng 12/2001 ông M tiến hành xây dựng nhà. Ngày 04/01/2002, Chủ tịch UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 30/QĐ-UB-QLĐT xử phạt vi phạm hành chính đối với ông M về việc tự ý xây dựng nhà không phép nằm trong Dự án nâng cấp mở rộng đường XLHN, trong đó hình thức phạt chính là cảnh cáo và buộc ông M phải chấp hành đúng quy định của Nhà nước khi triển khai quy hoạch.

Như vậy, nhà do ông M tự ý chuyển mục đích sử dụng vào năm 2001 và có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của UBND Quận 9. Tuy nhiên, UBND Quận 9 không buộc tháo dỡ, khôi phục lại hiện trạng nên căn cứ Phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung số 01/PABT-HĐBT ngày 20/6/2013, UBND Quận 9 giải quyết bồi thường, hỗ trợ cho ông M 100m²/255.2m² đất theo đơn giá bằng 20% giá đất ở (18.650.000 đồng/m² x 20%), phần diện tích đất còn lại 155.2m²/255.2m² theo đơn giá đất nông nghiệp, hỗ trợ 50% đất ở trong địa giới hành chính phường là đúng chính sách. Do đó, việc ông M cho rằng Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 3894/QĐ-UBND ngày 08/8/2015 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ

Chí Minh vi phạm Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố và vi phạm điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai năm 2013, đồng thời yêu cầu UBND Quận 9, UBND Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường thiệt hại với số tiền là 65.000.000 đồng (50 tháng x 1.300.000 đồng/tháng) do việc khiếu nại kéo dài từ năm 2009 đến năm 2017 là không có cơ sở xem xét. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử theo hướng giữ nguyên Quyết định số 3894/QĐ-UBND.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân Quận 9 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 trình bày:

Phần diện tích đất thu hồi của ông M có diện tích 255.2m² thuộc một phần thửa 3, tờ bản đồ 42 (theo tài liệu năm 2003) tọa lạc tại phường PL A, Quận 9 nằm trong Dự án đầu tư mở rộng đường XLHN. Ngày 01/7/2009, Tổ công tác tiến hành kiểm kê hộ ông M, tại Biên bản ghi nhận: Diện tích thu hồi là 255.2m², mặt tiền XLHN đoạn từ ngã tư TĐ đến ranh tỉnh Bình Dương.

Ngày 23/6/2010, Hội đồng họp xét nguồn gốc nhà, đất các hộ dân nằm trong dự án mở rộng lộ giới XLHN tại UBND phường PL A ghi nhận: Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng, diện tích 144.3m² (thuộc một phần thửa 3, tờ bản đồ 42 tài liệu năm 2003) đã được UBND Quận 9 cấp giấy CNQSDĐ số N442040 ngày 13/7/1999 cho bà Nguyễn Thị T sử dụng. Đến năm 2001, bà Tất lập giấy tay chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông M sử dụng cho đến nay. Cùng năm ông M xây dựng nhà ở. Diện tích 110.9m² (thuộc một phần thửa 3, tờ bản đồ 42 tài liệu năm 2003) do bà Tất quản lý, sử dụng từ trước năm 1975 đến năm 2001 bà Tất lập giấy tay chuyển nhượng cho ông M sử dụng cho đến nay. Thửa số 3, tờ bản đồ 42 tài liệu năm 2003 do bà Phạm Thị Kim Thoa đăng ký. Ý kiến hội đồng: Thống nhất nguồn gốc đất. Thời điểm xây dựng năm 2001. Thửa số 3, tờ bản đồ 42 tài liệu năm 2003 do bà Phạm Thị Kim Thoa đăng ký, nhưng thực tế do ông M quản lý, sử dụng là đúng.

Ngày 12/9/2011, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 1682/QĐ-UBND-BBT về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông M với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 137.715.000 đồng, kèm theo Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ ngày 05/9/2011, trong đó bồi thường đất trồng cây lâu năm mặt tiền XLHN diện tích 110.9m² đơn giá 375.000 đồng/m²; đất trồng cây hàng năm mặt tiền XLHN diện tích 144.30m² đơn giá 300.000 đồng/m²; không bồi thường tài sản nhà, vật kiến trúc xây dựng năm 2001; hỗ trợ 255.2m² đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường với mức giá 2.003.000 đồng x 0.5. Trừ số tiền hỗ trợ trong dự án đường dây điện cao thế 220KV Phú Mỹ - CL với số tiền 212.196.000 đồng. Hộ ông M không đủ điều kiện tái định cư.

Trường hợp ông M sử dụng đất có nguồn gốc mua lại bằng giấy tay và xây dựng năm 2001. Căn cứ Phương án điều chỉnh số 01/PABT-HĐBT ngày 20/6/2013 của Hội đồng Bồi thường dự án, ngày 16/9/2013, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 419/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 1682/QĐ-UBND-

BBT ngày 12/9/2011 của UBND Quận 9, trong đó tính hỗ trợ (20%) 100m² đất ở mặt tiền đường và hỗ trợ 40% vật kiến trúc với số tiền là 450.369.000 đồng là đúng quy định. Hộ ông UBND Mạnh đã nhận tiền bồi thường. Đối với yêu cầu được giải quyết nền tái định cư: căn cứ điểm 1 mục III phần IX, mục III phần IV của Phương án bồi thường số 06/PABT-HĐBT ngày 13/01/2011 thì trường hợp ông M có nhà xây dựng năm 2001, sau thời điểm 30/9/1995 do đó không đủ điều kiện xem xét tái định cư.

Không đồng ý với Quyết định số 1682/QĐ-UBND -BBT và Quyết định số 419/QĐ-UBND, ông M khiếu nại và ngày 11/8/2014, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 158/QĐ-UBND bác toàn bộ yêu cầu khiếu nại của ông M. Không đồng ý, ông M tiếp tục khiếu nại. Ngày 08/8/2015, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3894/QĐ-UBND, có nội dung giữ nguyên Quyết định số 158/QĐ-UBND, không công nhận đơn của ông M yêu cầu bồi thường phần diện tích 90m²/255.2m² là đất ở theo đơn giá 18.650.000 đồng/m², bồi thường vật kiến trúc theo 100% đơn giá và giải quyết tái định cư nền đất ở.

Vì vậy, Chủ tịch và UBND Quận 9 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 941/2018/HC-ST ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ;

Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ;

Luật Đất đai năm 2003;

Luật Khiếu nại số 02/2011/QH 13 ngày 11/11/2011;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, Tuyên xử :

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Phạm Tiến M về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3894/QĐ-UBND ngày 08/8/2015 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Tiến M.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc UBND Quận 9 và UBND Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần và sức khỏe cho ông Phạm Tiến M bằng 50 tháng lương tối thiểu, cụ thể: 50 tháng x 1.300.000 đồng/tháng = 65.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/8//2019, người khởi kiện, ông Phạm Tiến M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của ông M giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Đất bị thu hồi có nguồn gốc do ông M nhận chuyển nhượng của bà Tất. Giấy chuyển nhượng của bà Tất cũng thể hiện là đất thổ cư. Số tiền 212.196.000 đồng là tiền hỗ trợ thiệt hại cho hộ ông M do bị ảnh hưởng của dự án đầu tư xây dựng đường dây 220KV CL-TĐ nên việc UBND Quận 9 khấu trừ số tiền này là sai. Trường hợp này phải áp dụng Nghị định số 14/2014/NĐ-CP. Năm 2001, ông M bị xử phạt vi phạm hành chính khi xây nhà trái phép nhưng UBND Quận 9 cho rằng ông M đã tự chuyển mục đích sử dụng đất là không đúng. Đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo của ông M.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của Chủ tịch và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch và Ủy ban nhân dân Quận 9 thống nhất trình bày: Nhà do ông M xây dựng năm 2001 đã vi phạm hành lang lộ giới được công bố năm 1995, đã bị xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 30/QĐ-UB-QLĐT ngày 04/01/2001 của UBND Quận 9. Việc khấu trừ số tiền 212.196.000 đồng đã được UBND Thành phố Hồ Chí Minh đồng ý do trước đây ông M đã nhận bồi thường, hỗ trợ từ dự án đường dây 220KV CL-TĐ nhưng không thu hồi đất nay UBND Quận 9 tiếp tục thu hồi phần đất này. Chủ tịch và UBND Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch và UBND Quận 9 đề nghị Tòa án bác kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Điểm a khoản 1 Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định đối với đất đã sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 nhưng không có Giấy chứng nhận thì đất đang sử dụng có nhà và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định này thì người đang sử dụng đất được bồi thường về đất theo diện tích đất thực tế đang sử dụng nhưng diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất ở quy định tại khoản 2 Điều 83 và khoản 5 Điều 84 của Luật Đất đai tại thời điểm có quyết định thu hồi đất và giá trị bồi thường phải trừ đi tiền sử dụng đất phải nộp theo mức thu quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP. Như vậy, ông M được bồi thường 110,9m² đất ở. Về yêu cầu bồi thường 100% giá trị tài sản và vật kiến trúc trên đất, UBND Quận 9 hỗ trợ bằng 40% đơn giá xây dựng theo Quyết định số 419/QĐ-UBND là đúng pháp luật. Do phần đất bị thu hồi là đất nông nghiệp, chỉ có một phần đất ở, đồng thời ông M cũng đã có nơi ở khác nên không đủ điều kiện để tái định cư. Về yêu cầu không khấu trừ 212.196.000 đồng, mặc dù ông M bị giải tỏa tại 2 dự án khác nhau nhưng năm 2003, ông M không bị giải tỏa về đất nên nay bị thu hồi thì UBND Quận 9 khấu trừ số tiền này là đúng Công văn số 5093/UBND-ĐTMT của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện là không đúng. Vì vậy, đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông M, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông M, hủy Quyết định số 3894/QĐ-UBND.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai” và giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 3 Điều 32, Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Ông M kháng cáo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại đơn khởi kiện, ông M yêu cầu hủy Quyết định số 3894/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 3894/QĐ-UBND và các quyết định hành chính có liên quan là đúng pháp luật.

Về nội dung:

[1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 3894/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh:

[1.1] Ngày 11/8/2014, Chủ tịch UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 158/QĐ-UBND, có nội dung: Bác yêu cầu khiếu nại của ông M đối với Quyết định số 1682/QĐ-UBND-BTT và Quyết định số 419/QĐ-UBND của UBND Quận 9. Không đồng ý, ông M tiếp tục khiếu nại và ngày 08/8/2015, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3894/QĐ-UBND, có nội dung: Không chấp nhận khiếu nại của ông M, giữ nguyên Quyết định số 158/QĐ-UBND.

[1.2] Như vậy, việc ban hành Quyết định số 3894/QĐ-UBND là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại các điều 21, 36, 37, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2] Xét Quyết định 3894/QĐ-UBND và các quyết định hành chính liên quan, gồm: Quyết định số 158/QĐ-UBND, Quyết định số 1682/QĐ-UBND-BTT và Quyết định số 419/QĐ-UBND, thấy rằng:

[2.1] Ông M bị thu hồi 255,2m² theo Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 12/01/2009, được điều chỉnh tại Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 07/9/2010 của UBND Quận 9, trong đó có 144,3m² đã được UBND Quận 9 cấp giấy CNQSDĐ ngày 13/7/1999 cho bà Nguyễn Thị T, phần còn lại 110,9m², bà Tất sử dụng từ năm 1975 đến 2001 thì chuyển nhượng cho ông M nhưng chưa được cấp giấy CNQSDĐ. Căn cứ giấy CNQSDĐ và sổ mục kê theo tài liệu 02/CT-UB thì toàn bộ 255,2m² là đất lúa.

[2.2] Việc ông M chỉ căn cứ giấy sang nhượng QSDĐ ngày 18/9/2001 và giấy cam kết ngày 25/7/2019 đều thể hiện bà Tất chuyển nhượng 110,9m² đất thổ cư để cho rằng phần đất này là đất ở là không có căn cứ.

[2.3] Hồ sơ vụ án thể hiện: Tại Giấy sang nhượng QSDĐ ngày 18/9/2001 (bút lục 100) thì bà Tất chỉ chuyển nhượng đất, không có nhà. Đơn xin giao đất ngày 2/10/2001 của bà Tất (bút lục 97), có nội dung: Trả cho ủy ban lô đất 285, tờ

bản đồ số 8, diện tích 90m², lý do không sử dụng. Đơn xin sử dụng đất xây dựng do bà Phạm Thị Kim Thoa lập ngày 2/10/2001 (bút lục 98), có nội dung: Xin sử dụng đất làm nhà ở tại phường PL A, diện tích 90m². Báo cáo thực địa ngày 15/10/2001, UBND phường PL A xác nhận hiện trạng diện tích 90m² là đất trống. Như vậy, có căn cứ xác định bà Tất chỉ chuyển nhượng đất, không có nhà cho ông M. Năm 2001, sau khi nhận chuyển nhượng thì ông M mới xây dựng nhà trên đất nhưng không có giấy phép nên đã bị Chủ tịch UBND Quận 9 xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 30/QĐ-UB-QLĐT ngày 04/01/2002. Sau đó, ông M tiếp tục hoàn thiện căn nhà và sử dụng để ở cho đến thời điểm Nhà nước thu hồi đất.

[2.4] Tại khoản 1 Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định về trường hợp thu hồi đối với đất đã sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai và được UBND cấp xã xác nhận đất đó không có tranh chấp thì việc bồi thường, hỗ trợ về đất thực hiện theo quy định sau: a) Trường hợp đất đang sử dụng là đất có nhà ở và không thuộc một trong các trường hợp sử dụng đất quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định này thì người đang sử dụng đất được bồi thường về đất theo diện tích đất thực tế đang sử dụng. Khoản 4 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP, quy định: Hộ gia đình, cá nhân không được cấp Giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất được sử dụng trước ngày 15/10/1993 trong trường hợp tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất đã có một trong các hành vi vi phạm sau đây...đ) Lấn, chiếm đất sử dụng cho mục đích công cộng, đất chuyên dùng, đất của tổ chức, đất chưa sử dụng và các trường hợp vi phạm khác đã có văn bản ngăn chặn nhưng người sử dụng đất vẫn cố tình vi phạm.

[2.5] Đối chiếu quy định trên thì năm 2001, ông M đã bị UBND Quận 9 xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý xây dựng, quản lý nhà và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị tại Quyết định số 30/QĐ-UB-QLĐT ngày 04/01/2001 nhưng ông M vẫn tiếp tục vi phạm nên mặc dù vẫn có nhà ở tại thời điểm thu hồi đất nhưng không thuộc trường hợp được bồi thường về đất ở.

[2.6] Theo quy định tại khoản 3, mục III, phần IV của Phương án số 06/PABT-HĐBT ngày 13/01/2011 được phê duyệt tại Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 23/6/2011 của UBND Quận 9 thì việc ông M tự chuyển đổi mục đích làm nhà ở năm 2001 (sau thời điểm ngày 30/9/1995 trở về sau) nên chỉ được bồi thường, hỗ trợ theo loại đất nông nghiệp. Tuy nhiên, tại Phương án điều chỉnh số 01/PABT-HĐBT, được phê duyệt theo Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 04/7/2013 của UBND Quận 9, có nội dung: Trường hợp tự chuyển mục đích làm nhà ở từ ngày 30/9/1995 đến trước ngày 22/4/2002 thì người đang sử dụng đất ở (nếu có) được bồi thường theo loại đất nông nghiệp và được hỗ trợ thêm, nhưng tổng mức bồi thường và hỗ trợ không thấp hơn 20% mức hỗ trợ đối với trường hợp chiếm dụng có cùng thời điểm sử dụng. Diện tích để tính hỗ trợ là diện tích thực tế nhưng không quá 100m²/hộ, phần còn lại (nếu có) được tính bồi thường, hỗ trợ theo đất nông nghiệp quy định như trên. Căn cứ Phương án điều chỉnh số 01/PABT-HĐBT và các Điều 44, 45 Nghị định 84/2007 thì UBND Quận 9 bồi

thường, hỗ trợ cho ông M 137.715.000 đồng (theo Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 12/9/2011) và bồi thường, hỗ trợ 450.369.000 đồng (theo Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 16/9/2013) là đúng pháp luật.

[3] Đối với phần bồi thường xây dựng và yêu cầu tái định cư: Căn cứ quy định tại điểm c, khoản 8, phần II Phương án điều chỉnh số 01/PABT-HĐBT thì hộ ông M được hỗ trợ 40% đơn giá xây dựng mới là đúng. Theo quy định tại khoản 1 mục III, phần IX Phương án 06/PABT-HĐBT thì hộ ông M không đủ điều kiện tái định cư.

[4] Đối với số tiền 212.196.000 đồng: Ngày 16/7/2003 của UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 759/QĐ-UBBBT về việc hỗ trợ, bồi thường thiệt hại cho hộ ông (bà) Phạm Tiến M cư ngụ tại 48 Khu phố 3, phường PL A, Quận 9, nằm trong dự án đầu tư xây dựng đường dây 220KV CL-TĐ (Phần hành lang), tại phường PL A, Quận 9, tại Điều 1 Quyết định số 759/QĐ-UBBBT ngày 16/7/2003 của UBND Quận 9, có nội dung: Nay bồi thường, hỗ trợ cho ông M 212.196.000 đồng. Tại Điều 2, có nội dung: “...Ông M phải tiến hành nhận tiền đền bù, giải phóng mặt bằng bàn giao cho chủ đầu tư quản lý sử dụng để triển khai dự án”. Ông M xác nhận đã nhận số tiền 212.196.000 đồng trên. Tại thời điểm năm 2003 thì ông M vẫn đang sử dụng phần đất này. Nay, UBND Quận 9 thu hồi phần đất trên phải trừ số tiền 212.196.000 đồng là đúng.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông M là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M và người đại diện theo ủy quyền không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. Ý kiến của Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định nêu trên nên không được chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Ông M được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 30, 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị định số 84/2007-NĐ-CP ngày 25/5/2007, Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Luật Đất đai 2003; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Tiến M.
2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 941/2019/HCST ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Tiến M về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3894/QĐ-UBND ngày 08/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tiến Mạnh.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân Quận 9 và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần và sức khỏe cho ông Phạm Tiến M bằng 50 tháng lương tối thiểu là 65.000.000 đồng.

5. Về án phí: Ông Phạm Tiến M được miễn án phí sơ thẩm, phúc thẩm và được trả lại 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 09668 ngày 26/11/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (Ngày 27 tháng 7 năm 2020)./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án. (án NTMD)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Đức Phương